

Bản án số: 145/2026/DS-PT

Ngày: 04-3-2026

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Phan Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 392/2025/DS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 110/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Hà Thế H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện V, (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai);

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số I, khu phố T, phường H, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) là người đại diện theo ủy quyền.

2. ***Bị đơn:***

2.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1970;

2.2. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1968 (chết ngày 20/3/2025).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1:

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1970; bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1991; bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Số A, khu phố D, phường Q, thành phố B (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Bà M, ông H1 có mặt, bà T2, bà T3 vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T2; Nguyễn Thị Thanh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Do quen biết nên ông Hà Thế H đã cho vợ chồng ông Nguyễn Thành T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T mượn tiền cụ thể như sau:

Đợt 1: vào ngày 19/09/2018, ông T1 và bà T mượn ông H số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm ăn buôn bán trong giấy vay tiền có thoả thuận hứa trong thời gian 01 tháng sẽ trả lại tiền cho ông H (ngày mượn là ngày 19/09/2018 ngày trả là ngày 19/10/2018).

Đợt 2: Ngày 26/09/2018, ông T1 và bà T mượn ông H tiếp số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) có giấy vay tiền thoả thuận trong thời gian 03 tháng sẽ hoàn trả lại số tiền đã mượn (ngày mượn là ngày 26/09/2018 ngày trả là ngày 26/12/2018). Nếu trong thời gian 03 tháng không thanh toán được số tiền đã mượn thì ông T1, bà T sẽ đem giấy tờ nhà đi thế chấp để trả số tiền đã mượn của ông H.

Đợt 3: ngày 15/10/2018, ông T1 đến gặp ông H để mượn thêm số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Đợt 4: ngày 19/10/2018, ông T1 tiếp tục mượn thêm ông H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền ông H đã cho vợ chồng ông T1 và bà T mượn là: 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng).

Tuy nhiên đến ngày 26/12/2018 đến hạn thanh toán nợ cho ông H thì vợ chồng ông T1, bà T không trả. Từ khi vay tiền cho đến nay vợ chồng ông T1 và bà T không trả cho ông H bất kỳ khoản tiền lãi nào.

Ngày 20/3/2025, ông Nguyễn Thành T1 chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 là bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải thanh toán cho ông Hà Thế H số tiền gốc 820.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán là 427.000.000 đồng theo quy định của pháp luật, cụ thể tiền lãi tính như sau:

Đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng bà yêu cầu tính lãi trên 81 tháng (từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/9/2025) theo lãi suất 10%/năm là: 405.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc 220.000.000 đồng bà yêu cầu tính lãi trên 12 tháng (từ

ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2025) theo lãi suất 10%/năm là: 22.000.000 đồng.

Vậy tổng số tiền bà T và bà T3 và T2 phải trả cho ông Hà Thế H là 1.247.000.000 đồng.

Bà đồng ý Kết luận giám định chữ ký chữ viết số 609/KL-KTHS ngày 24/9/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại bản tự khai, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Trần Thanh H1 trình bày:*

Ngày 08/01/2019, bà T có vay của bà Nguyễn Ngọc M số tiền 300.000.000 đồng (đến tháng 03/2019, bà T có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc M mảnh đất nhà bà T đang ở để cầm cố cho bà Nguyễn Ngọc M.

Trong quá trình vay, do nhà bà T có nhiều lúc không trả đúng hạn nên bà M nhiều lần cho chồng bà T ký các giấy vay khác nhau. Do tuổi lớn mắt mờ và tin tưởng bà Nguyễn Ngọc M nên chồng bà T ký giấy nhận nợ khi không rõ nội dung trên giấy vay. Ngoài ra thời điểm ký giấy vay chỉ có bà M chứ không có ông Hà Thế H.

Đến ngày 13/09/2024, bà T đã hoàn trả tổng số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Ngọc M và hoàn tất thủ tục chuyển trả số lại cho gia đình bà T và có ghi đơn xác nhận của bà Nguyễn Ngọc M. Gia đình bà T có yêu cầu bà Nguyễn Ngọc M trả lại giấy nợ nhưng bà M lấy cớ quên không đem. Nay ông Hà Thế H khởi kiện gia đình bà T thì bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà T yêu cầu tuyên hủy hợp đồng vay tiền giữa bà và ông Hà Thế H.

Đối với kết luận giám định chữ ký chữ viết số 609/KL-KTHS ngày 24/9/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông không có ý kiến gì.

** Bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:* Bà thống nhất với lời khai của bà T, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, bà đề nghị được vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

** Bà Nguyễn Thị Thanh T3 trình bày:* Bà thống nhất với lời khai của bà T, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, bà đề nghị được vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án số: 392/2025/DS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai đã căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thế H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Thanh T3 phải thanh toán cho ông Hà Thế H tổng số tiền 1.247.000.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 820.000.000 đồng, lãi 427.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/11/2025, bà Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Thanh T3 kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà T, bà T2 và bà T3 trả tiền cho ông H là không đúng quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T3, bà T2, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai về cách tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3 làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3 nhận thấy: Mặc dù bà T không thừa nhận chữ ký tại các giấy vay tiền nhưng theo Kết luận giám định số: 609/KL-KTHS ngày 24/9/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được trưng cầu, thì chữ ký và chữ viết tại mục người vay tiền là do cùng một người ký và viết là của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Mặt khác, tại Đơn yêu cầu và bản tự khai ngày 08/7/2025 (BL 65, 66), bà T đã khai, chữ ký và chữ viết trong tờ khai trên do ông T1 ký nhưng khi ký ông T1 không đọc nội dung. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T và ông T1 có vay của ông H số tiền gốc 820.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cụ thể: Đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng bà yêu cầu tính lãi trên 81 tháng (từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/9/2025) theo lãi suất 10%/năm là: 405.000.000 đồng; đối với số tiền gốc 220.000.000 đồng bà yêu cầu tính lãi trên

12 tháng (từ ngày 26/9/2024 đến ngày 26/9/2025) theo lãi suất 10%/năm là: 22.000.000 đồng. Tổng cộng gốc lãi số tiền 1.247.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về cách tuyên: Xét thấy số tiền gốc lãi trên là do bà T và ông T1 vay của ông H; ông T1 đã chết, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T3, bà T2 cùng với bà T phải thanh toán số tiền gốc lãi trên cho ông H là không phù hợp. Bởi lẽ theo khoản 1 điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại.*”. Như vậy, cần phải sửa án theo hướng buộc bà T phải thanh toán cho ông H $\frac{1}{2}$ số nợ gốc lãi là 623.500.000 đồng; số nợ gốc lãi $\frac{1}{2}$ còn lại là 623.500.000 đồng, buộc bà T, bà T3 và bà T2 là những người thừa kế của ông T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông H trong phạm vi di sản do ông T1 để lại.

[4] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí cũng cần xác định lại cụ thể: Bà T phải chịu án phí số tiền là 28.940.000 đồng; bà T, bà T3 và bà T2 là người thừa kế của ông T1 phải chịu án phí số tiền là 28.940.000 đồng trong phạm vi di sản do ông T1 để lại. Hoàn trả cho ông Hà Thế H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.602.500 đồng theo Biên lai thu tiền 0000908 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà T2, bà T3 được chấp nhận nên không phải chịu phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho bà T3 và bà T2 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 392/2025/DS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470, Điều 615 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thế H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thành T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T, phải thanh toán cho ông Hà Thế H tổng số tiền gốc và lãi là 623.500.000 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn).

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3 là những người thừa kế của ông Nguyễn Thành T1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi là 623.500.000 đồng (sáu trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn) cho ông Hà Thế H trong phạm vi di sản do ông T1 để lại.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả lại cho ông Hà Thế H số tiền chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng. Số tiền còn lại 4.000.000 đồng bà T phải chịu, bà T đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền là 28.940.000 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn).

Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3 là những người thừa kế của ông T1 phải chịu án phí số tiền là 28.940.000 đồng (hai mươi tám triệu chín trăm bốn mươi nghìn) trong phạm vi di sản do ông T1 để lại.

Hoàn trả cho ông Hà Thế H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.602.500 đồng theo Biên lai thu tiền 0000908 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Đồng Nai).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3 mỗi người số tiền là 300.000 đồng đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Đồng Nai theo biên lai số 0006750 ngày 05/11/2025.

5. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Khu vực 1 -ĐN;
- Phòng THADS Khu vực 1- ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

